Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# BÀI 26: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt**

* Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số
* Nhận biết được các tính chất của phép nhân.
* Nhận biết được phân số nghịch đảo

**2. Kĩ năng và năng lực**

**a. Kĩ năng:**

* Thực hiện được phép nhân và chia phân số
* Vận dụng giải quyết các bài toán liên quan.
* Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.

**b. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

**- Năng lực riêng:** Thực hiện được các phép toán liên quan đến phân chia phân số

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, máy chiếu, máy tính,

**2. Đối với học sinh:** Ôn tập về nhân và chia phân số với cả tử và mẫu dương đã học ở Tiểu học, phiếu học tập ( nội dung luyện tập 2)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV kiểm tra thông qua HĐ1:**

( GV tổ chức trò chơi vận động để chọn HS lên bảng kiểm tra)

Cách tiến hành:

GV cho HS truyền bóng theo giai điệu nhạc. Khi GV cho nhạc tạm dừng, bóng đến tay HS nào thì mời HS đó trả lời câu hỏi kiểm tra ý 1. Sau đó GV tiếp tục bật nhạc và làm tương tự để chọn HS tiếp theo làm bài tập vận dụng ý 2a; tương tự chọn Hs làm ý 2b.

**Câu hỏi:**

1. Em hãy nhắc lại quy tắc nhân hai phân số (có tử và mẫu đều dương)?

2. Áp dụng : Tính a) $\frac{8}{3}$ . $\frac{3}{7}$ = $\frac{24}{21}$ = $\frac{8}{7} $b) $\frac{4}{6}$ . $\frac{5}{8}$ = $\frac{20}{48} $= $\frac{5}{12}$

*Gv trình bày vấn đề*: GV đọc bài toán mở đầu từ đó dẫn dắt vào bài mới

Me Minh dành $\frac{2}{3} $tiền lương hằng tháng đề chỉ tiêu trong gia đình. $\frac{1}{5} $ số trên chỉ tiêu đó là tiền ăn bán trú cho Minh. Hỏi tiến ăn bán trú cho Minh bằng bao nhiêu phần tiền lương hằng tháng của mẹ?

Chúng ta cùng tìm hiểu cách tính trong bài này nhé.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép nhân hai phân số (30p)**

**a. Mục tiêu**:

* Củng cố cách nhân hai phân số
* Vận dụng phép nhân vào bài toán thực tế

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV cho HS đọc hoặc GV thuyết trình- HS thực hiện HĐ1- GV kết luận trong hộp kiến thức- VD1: + GV yêu cầu học sinh nghiên cứu trong SGK- VD2:+ GV yêu cầu HS quay lại và giải quyết bài toán mở đầu. So sánh với kết quả trong sách- Luyện tập 1: GV cho thêm phần c+ HS tự làm vào phiếu học tập phần a,c+ Gv dùng máy chiếu vật thể chiếu bài của 2 HS làm phần a,c nhanh nhất và yêu cầu hs nhận xét rồi rút ra kết luận.HS cùng bàn trao đổi phiếu học tập, kiểm tra chéo và chữa bài dựa trên bài cô đã nhận xét trên bảng.+ GV: Chú ý nhận xét một số nguyên với một phân số - Vận dụng 1:+ HS tự làm + GV gọi một HS lên bảng chữa bài **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **1**. **Phép nhân hai phân số****Quy tắc:**Muốn nhân hai phân số , ta nhân các tử số vơi nhau và nhân các mẫu với nhau .$\frac{a}{b}$ . $\frac{c}{d}$ = $\frac{a.c}{b.d}$**Luyện tập 1:****a.** $\frac{-2}{5}$ . $\frac{5}{4}$ = $\frac{-10}{20} $= $\frac{-1}{2}$b. $\frac{-7}{10}$ . $\frac{-9}{11}$ = $\frac{63}{110}$ ( về nhà)c) (-5). $\frac{-2}{15}$ =$\frac{\left(-2\right).(-5)}{15}$ = $\frac{2}{3}$**\* Nhận xét (SGK/19)****Vận dụng 1:**Diện tích của hình tam giác là :$\frac{1}{2} $ . $\frac{9}{5}$ . $\frac{7}{3} $= $\frac{21}{10}$ cm |

**Hoạt động 2: Tính chất của phép nhân (20p)**

**a. Mục tiêu**:

* Nắm được tính chất giao hoán và kết hợp của số ngueyen cũng đúng với phân số
* Vận dụng tính chất cỉa phép nhân để tính nhanh

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV có thể yêu cầu HS nhắc lại tính chất giao hoán, kết hợp và phân phối của phép nhân đối với số nguyên rồi rút ra kết luận tương tự ( trên bảng chiếu)GV: Chiếu ví dụ 3 để HS phân tích các bước và tính chất áp dụng khi thực hiện.Gv: Dựa vào phân tích ví dụ rồi rút ra kết luận tương tự ( trên bảng chiếu)**- Luyện tập 2:**+ GV : Chia nhóm để Hs làm luyện tập 2. + GV yêu cầu đại diện 2 nhóm làm nhanh nhất phần a,b lên bảng trình bày bảng nhóm và nêu các bước làm ( tính chất áp dụng) Gv: Mời hs của nhóm làm cùng yêu cầu bài tập nhận xét.**- VD3:** Gv nên trình bày mẫu**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | 2. **Tính chất của phép nhân****Luyện tập 2:****a.** $\frac{6}{13}$ . $\frac{8}{7}$ . $\frac{-26}{3}$ . $\frac{-7}{8}$ = ($\frac{8}{7} . \frac{-7}{8}$) . ($\frac{6}{13} $. $\frac{-26}{3}$) = (-1 ). (-4) = 4b. $\frac{6}{5}$ . $\frac{3}{13} $- $\frac{6}{5}$ $. \frac{16}{13}$ = $\frac{6}{5}$ . ($\frac{3}{13}- \frac{16}{13}$) = $\frac{6}{5}$ (-1) = $\frac{- 6}{5}$ |

 **Hoạt động 3: Phép chia phân số (30p)**

**a. Mục tiêu**:

* Hình thành khái niệm phân số ngịch đảo
* Củng cố phép chia phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện HĐ2- GV mô tả phân số nghịch đảo thông qua ví dụ cụ thể- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi- HS thực hiện HĐ3. GV rút ra kiến thức mới trong hộp kiến thức.**- VD4:** Gv yêu cầu Hs nghiên cứu SGK, diễn giải cách thực hiện.**- Luyện tập 3:**+ HS tự làm+ GV gọi hai hs lên bảng trình bày lời giải.- Gọi Hs nhận xét, cho điểm**- Vận dụng 2:**+ GV yêu cầu HS tự giải bài toán+ Một hs lên bảng trình bày lời giải\* Gv tổ chức trò chơi để củng cố kiến thứcTrò chơi: **“ Ô chữ may mắn”****Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | 3. **Phép chia phân số****Hoạt động 2:** $\frac{5}{4}$ . $\frac{4}{5}$ = $\frac{20}{20}=1$$\frac{-5}{7}$ . $\frac{7}{-5}$ = $\frac{-35}{-35}$ = 1Từ HĐ2 ta có:Phân số nghịch đảo của 11 là $\frac{1}{11}$Phân số nghịch đảo của $\frac{7}{-5}$ là $\frac{-5}{7}$**Hoạt động 3:**$\frac{3}{4}$ : $\frac{2}{5}$ = $\frac{3}{4 }$. $\frac{5}{2}$ = $\frac{15}{8}$\* Quy tắc :Muốn chia một phân số cho một phân số khác 0 , ta nhân số bị chia với phần nghịch đảo của số chia.$\frac{a}{b}$ : $\frac{c}{d}$ =$\frac{a}{b}$ . $\frac{d}{c}$ = $\frac{a.d}{b.c}$**Luyện tập 3:****a.** $\frac{-8}{9} $**:** $\frac{3}{4}$ = $\frac{-8}{9}$ . $\frac{3}{4}$ = $\frac{-8 . 3}{9 . 4}$ = $\frac{-2}{3}$b. (-2) : $\frac{2}{5}$ = (-2) . $\frac{5}{2}$ = -5**Vận dụng 2:**Một cái bánh cần số phần của cốc đường là :$\frac{3}{4}$ : 9 = $\frac{3 . 1}{4 . 9}$ = $\frac{1}{12} $(phần)Làm 6 cái bánh cần số phần cốc đường là:6 . $\frac{1}{12} $= $\frac{1}{2}$ (phần) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**Câu 6.27:** Thay dấu "?" bằng số thích hợp trong bảng sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | $$\frac{9}{25}$$ | 12 | $$\frac{-5}{6}$$ |
| b | 1 | $$\frac{-9}{8}$$ | 3 |
| a.b | ? | ? | ? |
| a:b | ? | ? | ? |

**Câu 6.28:** Tính:

1. $\frac{7}{8}$ + $\frac{7}{8} $: $\frac{1}{8}- \frac{1}{2}$
2. $\frac{6}{11} $+ $\frac{11}{3}$ . $\frac{3}{22}$

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 6.27:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | $$\frac{9}{25}$$ | 12 | $$\frac{-5}{6}$$ |
| b | 1 | $$\frac{-9}{8}$$ | 3 |
| a.b | $$\frac{9}{25}$$ | $$\frac{-27}{2}$$ | $$\frac{-5}{2}$$ |
| a:b | $$\frac{9}{25}$$ | $$\frac{-32}{3}$$ | $$\frac{-5}{18}$$ |

**Câu 6.28:**

a.$\frac{7}{8} $+ $\frac{7}{8}$ : $\frac{7}{8}$ - $\frac{1}{2}$ = $\frac{7}{8}$ + $\frac{7}{8} $. 8 - $\frac{1}{2} $= $\frac{7}{8}$ - $\frac{4}{8}$ + 7 = $\frac{3}{8}$ + 7 = $\frac{59}{8}$

b. $\frac{6}{11}$ + $\frac{11}{3} $ . $\frac{3}{22}$ = $\frac{12}{22}$ + $\frac{11}{22}$ = $\frac{23}{22}$

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS về nhà trả lời các câu hỏi:*Câu 6.30, Câu 6.32, Câu 6.33

**Câu 6.30:**Mỗi buổi sáng , Nam thường đi xe đạp từ nhà đến trường vơi vận tốc 15km/h và hết 20 phút. Hỏi quãng đường từ nhà Nam đến trường dài bao nhiêu kilomet?

**Câu 6.33:** Lớp 6A có $\frac{1}{3} $số học sinh thích môn Toán. Trong số các học sinh thích môn Toán , có $\frac{1}{2} $số học sinh thích môn Ngữ Văn. Hỏi có bao nhiêu phần số học sinh lớp 6A thích cả môn Toán và Ngữ Văn?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 6.30:** Đổi 20 phút = $\frac{1}{3} $ giờ

Quãng đường từ nhà Nam đến trường dài số kilomet là : $15 . \frac{1}{3}=5 (km)$

**Câu 6.33:** Số phần số học sinh lớp 6A thích cả môn toán và môn ngữ văn là :

$$\frac{1}{3} . \frac{1}{2} = \frac{1}{6} (phần)$$

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |   |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học  | Kiểm tra viết  | Thang đo, bảng kiểm  |   |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |   |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*